

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HB
TỈNH BẠC LIÊU**

Bản án số: 15/2021/DS-ST

Ngày: 27 - 5 - 2021

V/v “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HB, TỈNH BẠC LIÊU**

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Ngọc Diễm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Tài Em

2. Ông Nguyễn Văn Miên

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Phan Thị Mỹ Ghét, Thư ký Tòa án nhân dân huyện HB.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện HB, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa:* Ông Văn Hữu Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 5 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện HB, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 301/2020/TLST-DS ngày 19 tháng 10 năm 2020 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2020/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 4 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Huỳnh Trung T, sinh năm 1990

Địa chỉ: Số XYZ, khóm X, phường X, thành phố BL, tỉnh Bạc Liêu.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H1 – Luật sư của văn phòng luật sư Nguyễn Thị H1, thuộc đoàn luật sư tỉnh Bạc Liêu.

- Bị đơn: Bà Võ Thị Cẩm H, sinh năm 1977

Ông Trần Văn T, sinh năm 1975

Địa chỉ: Ấp VH, xã VT, huyện HB, tỉnh Bạc Liêu;

(Nguyên đơn và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn trình bày: Giữa ông với bà Võ Thị Cẩm H và ông Trần Văn Th không có quan hệ họ hàng, chỉ là bạn bè quen biết với nhau. Do cần vốn nuôi tôm và bán tạp hóa nên bà H và ông Th nhiều lần vay tiền của ông nhưng ông không tính lãi. Mỗi lần ông Th và bà H vay tiền thì ông đều trực tiếp giao cho ông Th và bà H nhưng không viết biên nhận. Vào ngày 20/9/2019 ông yêu cầu bà Võ Thị Cẩm H viết biên nhận mượn (vay) của ông số tiền 370.000.000 đồng, nội dung thỏa thuận 01 tháng trả nợ vay. Khi ông yêu cầu bà H ký tên vào biên nhận là tại

quán cà phê nên cũng không nhờ người chứng kiến. Sau 01 tháng bà H và ông Th không thanh toán nợ cho ông như đã thỏa thuận tại biên nhận. Do đó, ông khởi kiện yêu cầu bà H và ông Th trả số tiền vay 370.000.000 đồng và lãi suất tính từ ngày 20/10/2019 đến thời điểm xét xử sơ thẩm làm tròn là 19 tháng.

Ông Trần Văn Th trình bày: Ông với bà Võ Thị Cẩm H kết hôn vào năm 2010. Bà H đã bỏ địa phương đi gần 01 năm nay. Thời gian đầu bà H có liên lạc với ông nhưng đến nay thì không còn liên lạc, ông không biết số điện thoại cũng như nơi ở hiện nay của bà H. Đối với số tiền bà H nợ ông T thì ông không biết, ông không có giao dịch gì với ông T. Trước đó ông có nghe bà H nói có nợ ông T nhưng đó là số tiền vay với lãi suất 30%/tháng. Bà H vay nhiều lần tổng cộng khoảng 100.000.000 đồng nhưng bà H cũng đã thanh toán cho ông T số tiền khoảng 120.000.000 đồng. Theo ông biết thì số tiền 370.000.000 đồng ông T khởi kiện hiện nay chỉ là tiền lãi của lãi suất 30%/ tháng. Tuy nhiên, đó chỉ là ông nghe bà H nói với ông chứ ông không có trực tiếp giao dịch nên không biết và không có chứng cứ nào để cung cấp cho Tòa. Ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông T vì ông không có giao dịch với ông T.

Bà Nguyễn Thị H1 - Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông T trình bày: Do giữa ông T với bà H và ông Th là bạn bè nên khi ông Th và bà H cho rằng cần vốn nuôi tôm công nghiệp và bán tạp hóa nhưng thủ tục vay Ngân hàng lại chưa thể giải ngân ngay được. Vì vậy, ông T đã nhiều lần cho vợ chồng ông Th và bà H vay mượn và căn cứ vào biên nhận có chữ ký của bà H xác định có nợ ông T số tiền 370.000.000 đồng. Mặc dù ông Th không thừa nhận giao dịch giữa ông T và vợ chồng ông nhưng thực tế gia đình ông có nuôi tôm công nghiệp và mua bán tạp hóa. Ông T không yêu cầu ông ký tên vào biên nhận là thiếu sót nhưng kết quả giám định lại đúng là chữ ký và chữ viết của bà H. Mặc dù tại biên nhận ghi là tiền mượn (tức là không phát sinh lãi suất) nhưng ông Th và bà H không thực hiện đúng thỏa thuận là trả trong 01 tháng. Kể từ ngày 20/10/2019 là ông Th và bà H vi phạm thỏa thuận nên ông T yêu cầu tính lãi. Tính đến thời điểm xét xử làm tròn là 19 tháng. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông T, buộc ông Th và bà H trả cho ông T số tiền 370.000.000 đồng và lãi suất 19 tháng (tính đến thời điểm xét xử và được làm tròn) theo mức lãi suất Ngân hàng nhà nước quy định.

Ý kiến của kiểm sát viên:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa.

Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình.

Về nội dung:

Căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27, Điều 30, Điều 37 luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đề nghị: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Huỳnh Trung T. Buộc ông Trần Văn Th và bà Võ Thị Cẩm H trả cho ông Huỳnh Trung T số tiền vốn vay 370.000.000 đồng và lãi suất 19 tháng x 0,83% = 58.349.000 đồng. Buộc bị đơn phải chịu chi phí giám định chữ ký, chữ viết và án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Huỳnh Trung T tranh chấp hợp đồng vay tài sản với bà Võ Thị Cẩm H và ông Trần Văn Th trú tại ấp VH, xã VT, huyện HB, tỉnh Bạc Liêu. Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện HB.

Ông Trần Văn Th và bà Võ Thị Cẩm H được tổng đạt hợp lệ nhưng vắng mặt không rõ lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung tranh chấp: Căn cứ lời trình bày của ông Huỳnh Trung T, lời trình bày của ông Trần Văn Th, cùng với kết luận giám định chữ ký và chữ viết tại biên nhận thể hiện chữ ký và chữ viết tên đúng là của bà Võ Thị Cẩm H. Đủ cơ sở xác định giao dịch vay tài sản giữa bà Võ Thị Cẩm H và anh Huỳnh Trung T là có xảy ra trên thực tế.

Anh Huỳnh Trung T cho rằng bà H vay của anh số tiền 370.000.000 đồng và cung cấp biên nhận có chữ ký và chữ viết tên của bà H. Bà H hiện nay không có mặt tại địa phương. Ông Th là chồng bà H thì xác định có nghe bà H nói về việc vay tiền của ông T nhưng đó là sau khi bà H đã bỏ địa phương đi, chứ khi bà H giao dịch thì ông không biết. Theo ông Th cho biết thì số nợ bà H vay của anh T là nợ vay với lãi suất cao (30%/tháng) và vay rất nhiều lần. Tuy nhiên, ông không xuất trình được chứng cứ, tài liệu nào chứng minh cho lời trình bày của mình. Ông Th cho rằng đó là giao dịch riêng của bà H nhưng lại thừa nhận mọi chi phí sinh hoạt trong gia đình đều do bà H quản lý và cân đối thu chi. Mặt khác, ông thừa nhận việc nuôi tôm và mua bán tạp hóa có thất bại dẫn đến vay vốn Ngân hàng chứ không thừa nhận đã vay của ông T. Hơn nữa, ông Th còn xác định việc bà H vay nợ của ông T là do bù lỗ khi bán quán nhậu có quá nhiều người nợ tiền. Ông Th còn khẳng định ông và bà H đang trong thời kỳ hôn nhân và bà H là người quản lý tài chính trong gia đình.

Từ những tình tiết trên cho thấy, thực tế bà H có vay nợ của ông T phục vụ công việc buôn bán sinh lợi nhằm phục vụ sinh hoạt trong gia đình. Vì vậy, mặc dù tại biên nhận chỉ thể hiện một mình bà H giao dịch với ông T nhưng do ông Th và bà H đang trong thời kỳ hôn nhân nên căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 27, Điều 30, khoản 2 Điều 37 Luật hôn nhân gia đình thì ông Th vẫn phải có nghĩa vụ liên đới đối với giao dịch do bà H thực hiện. Do đó, việc ông T yêu cầu ông Th và bà H cùng có trách nhiệm trả nợ là phù hợp.

Đối với số tiền nợ, anh T cho rằng số tiền nợ gốc là 370.000.000 đồng và có xuất trình biên nhận và qua kết quả giám định đúng là chữ ký và chữ viết của bà Võ Thị Cẩm H. Ông Th cho rằng bà H đã trả anh T khoảng 120.000.000 đồng nhưng không xuất trình được chứng cứ chứng minh. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T đối với số tiền nợ gốc bà H vay là 370.000.000 đồng.

Do bà H không thực hiện đúng theo thỏa thuận theo biên nhận nên ông T yêu cầu bà H và ông Th thanh toán lãi suất của số tiền nợ nêu trên theo lãi suất của Ngân hàng nhà nước là phù hợp quy định tại khoản 4 Điều 466 Bộ luật dân sự nên được chấp nhận.

Thời điểm bà H vi phạm thỏa thuận là từ ngày 20/10/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm là 19 tháng 07 ngày. Tại phiên tòa, nguyên đơn và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn yêu cầu làm tròn (tính lãi suất của 19 tháng = 58.349.000 đồng) nên được chấp nhận.

[3] Về chi phí giám định: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên cần buộc bị đơn phải chịu. Ông Huỳnh Trung T đã dự nộp 3.000.000 đồng và chi hết. Buộc ông Th và bà H phải hoàn lại cho ông T số tiền 3.000.000 đồng.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của ông T được chấp nhận nên buộc ông Th và bà H phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[5] Những phân tích, nhận định và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với tài liệu chứng cứ cũng như phân tích, đánh giá của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39; Điều 92, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng: Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 27, Điều 30, khoản 2 Điều 37 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Trung T đối với ông Trần Văn Th và bà Võ Thị Cẩm H.

Buộc ông Trần Văn Th và bà Võ Thị Cẩm H trả cho ông Huỳnh Trung T số tiền 428.349.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Về chi phí giám định: Buộc ông Trần Văn Th và bà Võ Thị Cẩm H phải hoàn lại cho ông Huỳnh Trung T số tiền 3.000.000 đồng.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trần Văn Th và bà Võ Thị Cẩm H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 21.133.960 đồng. Ông Huỳnh Trung T không phải chịu án phí, ông T đã dự nộp số tiền 10.075.000 đồng tại biên lai thu tiền số 0010272 ngày 19/10/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện HB được hoàn lại đủ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

3. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện HB;
- Cơ quan THA huyện HB;
- Lưu: HS; VT-TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Ngọc Diễm